

VIỆT NAM TRONG CHÍNH SÁCH NAM TIẾN CỦA ĐẾ QUỐC NHẬT BẢN TỪ 1939 ĐẾN CUỐI 1941

Phan Văn Ca*

Mở đầu

Sự kiện Phan Bội Châu và Hoàng thân Cường Để bị trục xuất khỏi Nhật Bản đã đánh dấu mốc quan trọng trong mối quan hệ giữa Nhật Bản với phong trào giải phóng dân tộc của các nước châu Á. Bước đầu *“biểu lộ rõ dã tâm của Nhật Bản để trở thành một thành viên cường quốc thực dân trong khu vực châu Á”*.⁽¹⁾

Tuy nhiên, trong chính sách cụ thể đối với Đông Nam Á được Bộ Kế hoạch vạch ra năm 1938, Nhật Bản đặc biệt chú ý đến Đông Ấn thuộc Hà Lan với nguồn nguyên liệu công nghiệp và quốc phòng, chưa thực sự chú trọng đến Việt Nam, nơi có những mặt hàng nông sản, khoáng sản dồi dào. Đến năm 1939, quân Nhật đã thất bại trong việc tấn công Liên Xô (ở Changkufeng và Khankhin Gol) nhưng lại đánh bại được chính phủ Tưởng Giới Thạch để thực hiện chính sách “Bắc tiến”. Từ thời điểm này, giới quân phiệt Nhật bắt đầu đặt mục tiêu xâm chiếm Đông Dương, bước khởi đầu trên con đường “Nam tiến” của đế quốc Nhật Bản.

1. Nhu cầu của Nhật Bản tại Việt Nam

Lần di chuyển đầu tiên của quân Nhật xuống Đông Nam Á là bắc Đông Dương trước khi chính sách “Nam tiến” được chính thức thông qua vào tháng 7/1940. Giới lãnh đạo quân sự Nhật muốn đạt được hai mục tiêu ở Đông Dương: Ngăn chặn sự tiếp viện từ bên ngoài cho Trung Quốc bằng con đường từ Hải Phòng tới Côn Minh và nếu có thể, dùng con đường này để làm phương tiện xâm nhập miền nam Trung Quốc; Loại tất cả các cường quốc phương Tây ra khỏi thuộc địa của họ ở Đông Nam Á để thực hiện chính sách “Đại Đông Á”.⁽²⁾

Ngày 03/7/1940, Bộ Tổng tham mưu và Lục quân Nhật chấp thuận đề cương chính sách mới mang tên *“Phác thảo các biện pháp đối với những thay đổi trong tình hình thế giới”*. Đề cương này đề cập đến lập trường trung lập của Nhật đối với cuộc chiến tranh ở châu Âu và những cam kết chính thức của Lục quân đối với chiến lược “Nam tiến” lần đầu tiên trong lịch sử. Văn kiện này yêu cầu phải chiếm đóng bắc Đông Dương thuộc Pháp như là bước đầu tiên để cắt Trung Quốc ra khỏi những hỗ trợ vật chất từ bên ngoài.⁽³⁾

Vấn đề đáng quan tâm đầu tiên của Nhật là việc cắt các nguồn tiếp tế cho Tưởng Giới Thạch thông qua Đông Dương vì một khi không ngăn chặn được con đường tiếp tế này thì Nhật khó giành được thắng lợi ở Trung Quốc.

* Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào thời kỳ đầu của cuộc chiến Trung Quốc, con đường qua Đông Dương thuộc Pháp là cực kỳ quan trọng, vì nó chiếm 48% khối lượng vận chuyển những nhu yếu phẩm quan trọng cho lực lượng của Tưởng.⁽⁴⁾ Nó góp phần làm cho chính phủ của Tưởng có thể tiếp tục kháng cự chống Nhật mặc dù đã rút sâu vào tận Trùng Khánh, để mất hầu hết các cảng và trung tâm công nghiệp quan trọng.

Trên thực tế, chỉ có hai biện pháp đối phó mà Nhật có thể sử dụng: yêu cầu những quốc gia có liên quan tự nguyện ngừng tiếp tế cho Trung Quốc, hoặc phá hủy các đường tiếp tế bằng cách đánh bom hay chiếm giữ những địa điểm tiếp tế. Trong khi tuyến đường bờ biển được hải quân Nhật phong tỏa khá hiệu quả, số lượng hàng tiếp tế thông qua hướng tây bắc của Trung Quốc là khá nhỏ vì vừa dài lại vừa khó đi thì vấn đề chính là con đường thông qua Đông Dương.

Toàn quyền Decoux ghi lại trong hồi ký rằng: *“Ngay từ sớm Nhật đã lo lắng về tình hình đó. Chính phủ họ đã phản kháng ngày càng kiên quyết và thường xuyên với Hà Nội và Paris. Theo Nhật thì Đông Dương và Pháp đã chấp nhận một thái độ rõ ràng không thân thiện với Nhật bằng hành động cho phép việc chuyên chở liên tục qua Bắc Kỳ những hàng hóa giúp cho Thống chế Trung Quốc dễ dàng theo đuổi cuộc chiến tranh”*.⁽⁵⁾ Phía Nhật đã yêu cầu Pháp ngừng cung cấp vũ khí cho chính quyền Tưởng, nhưng Pháp lại tăng các nguồn tiếp tế trong khi cố gắng từ chối thừa nhận là họ đã làm như vậy.⁽⁶⁾

Đến đầu năm 1938, Đông Dương thuộc Pháp và Hồng Kông thuộc Anh là hai trong số những điểm còn lại mà từ đó các phương tiện chiến tranh có thể được chuyển vào Trung Quốc. Tháng 2/1939, hải quân Nhật đã chiếm đảo Hải Nam và thiết lập một căn cứ quân sự cho những máy bay ném bom hạng trung bắt đầu ném bom con đường từ phía đông của Đông Dương thuộc Pháp vào Quảng Tây. Tuy nhiên, do thời tiết xấu và những khó khăn khác nên việc ném bom đã không mang lại kết quả như mong muốn. Các loại máy bay ném bom tầm trung đã di chuyển đến Nam Ninh và tấn công tuyến đường sắt Diên Việt nhưng không thể thực hiện được vì điều kiện thời tiết, căn cứ tồi tàn, kể cả những sai lầm trong tác chiến nên Nhật buộc phải tạm ngừng việc ném bom.⁽⁷⁾

Nhưng Pháp không phải chờ lâu để xem phản ứng của Nhật, đúng như Decoux cảnh báo *“nếu họ cười thì cười xã giao và chờ đợi giờ của họ, như người ta sớm được biết”*.⁽⁸⁾ Chiến tranh bùng nổ ở châu Âu làm cho vị thế của Nhật được nâng cao hơn trong các cuộc thương lượng với chính quyền Pháp và chính quyền thuộc địa ở Đông Dương. Đầu năm 1940, Đại tướng Tsuchihashi Yuichi - Trưởng phòng Tình báo của Bộ Tổng tham mưu quân đội được phái đến Hà Nội với mệnh lệnh là phải chấm dứt các nguồn tiếp tế cho Tưởng và thành lập một đơn vị giám sát.⁽⁹⁾ Vì không được phép đến điều tra tại chỗ các cuộc vận chuyển và các nguồn hàng, viên tướng này tức giận bỏ về với những lời lẽ đầy hăm dọa. Không hăm dọa suông, ngày 01/02/1940, máy bay Nhật oanh tạc một đoàn tàu của Pháp trên tuyến đường từ Hải Phòng lên Vân Nam làm hàng trăm người chết (trong đó có 5 người Pháp) và nhiều người bị thương.⁽¹⁰⁾

2. Những kế hoạch chiếm đóng Bắc Kỳ

Sau khi Pháp đầu hàng Đức, sự can thiệp của Nhật vào Đông Dương cũng thay đổi tính chất, không còn là chuyện yêu cầu Pháp chấm dứt vận chuyển hàng tiếp tế của phương Tây cho Tưởng. Trong Hội đồng Tham mưu xuất hiện xu hướng cần phải giải quyết ngay lập tức tất cả những vấn đề đang bàn cãi, sẽ gây áp lực lên chính quyền Pháp. Ngày 18/6/1940, trong Hội nghị các Bộ trưởng, Bộ trưởng Lục quân Hata Shunroku bày tỏ quan điểm cần phải yêu cầu chính phủ Pháp tạm ngừng gửi các nguồn tiếp tế quân sự cho Trung Quốc và các chiến dịch quân sự không được đưa ra trừ phi Pháp từ chối.⁽¹¹⁾ Tuy nhiên, những người tán thành chủ trương hiếu chiến hơn đã chiếm ưu thế và đây là nền tảng cho quyết định sau này về triển khai hành động xâm chiếm bằng quân sự. Một nhóm sĩ quan được lệnh soạn thảo kế hoạch cho cuộc xâm lăng thật sự vào Đông Dương, lấy chỗ đóng quân cho các đơn vị thuộc Quân đoàn 22 đặt trụ sở Bộ Tư lệnh tại Quảng Châu. Cục Tác chiến Bộ Tổng tham mưu Lục quân do Thiếu tướng Tominaga Kyoji và Phó Tổng tham mưu trưởng Lục quân Sawada Shigeru đảm trách việc soạn thảo kế hoạch. Chính nhóm này đã đệ trình lên Nhật hoàng Hirohito bản kế hoạch đã được Bộ Tổng tham mưu Lục quân soạn thảo.⁽¹²⁾

Trước khi hành động này diễn ra, ngày 18/6/1940, Đại sứ Pháp tại Tokyo Charles Arsène Henry thông báo cho Bộ Ngoại giao Nhật rằng biên giới giữa Trung Quốc và Đông Dương thuộc Pháp đã được đóng lại một ngày trước đó (17/6/1940). Theo Arsène Henry thì Toàn quyền Catroux sẽ chịu trách nhiệm cá nhân cho quyết định này - quyết định dưới sự cố vấn của Arsène Henry. Thông tin từ hải quân cũng cho biết rằng Tướng Tsuchihashi đã gây áp lực cho các quan chức của Pháp tại Tokyo trong việc đóng cửa biên giới Việt-Trung.⁽¹³⁾

Trong cuộc gặp với Arsène Henry, ngày 18/6/1940, Thứ trưởng ngoại giao Nhật Masayuki Tani đã yêu cầu phải tạm ngưng lâu dài việc vận chuyển tất cả các vật tư quân sự và để đảm bảo Nhật sẽ gửi một ủy ban quân sự đến tuần tra biên giới. Ngày 19/6, Đại sứ Pháp chấp nhận việc Nhật đóng quân để kiểm tra biên giới nhưng lệnh cấm vận lâu dài đối với tất cả các vật tư là điều không thể.⁽¹⁴⁾ Thứ trưởng Tani phản đối bằng cách trao cho Arsène Henry một tối hậu thư với nội dung yêu cầu chính phủ Pháp ra lệnh cấm chuyên chở khí cụ cho chính phủ Trùng Khánh qua Đông Dương. Kèm theo tối hậu thư là lời tuyên bố “*Nhật sẽ dùng vũ lực để đạt được mục đích*”.⁽¹⁵⁾ Chiều cùng ngày, Toàn quyền Catroux nhận được hai bức điện từ Đại sứ Arsène Henry và Thiếu tá Thiebaut - Tùy viên quân sự Sứ quán Pháp tại Nhật nói rõ những yêu cầu của Nhật. Đại sứ Arsène Henry nhận thấy quyết tâm của Nhật nên không quên khuyên Catroux rằng hiện tại nên “*mềm dẻo*” và giữ thái độ hợp tác thì tốt hơn.

Viên Toàn quyền Đông Dương hiểu được điều đó nên báo cho Đại sứ Arsène Henry rằng ông chấp nhận các đề nghị của Nhật ngay trong đêm đó. Cũng ngay trong đêm 19/6/1940, Catroux điện về Bộ Thuộc địa ở Bordeaux: “*Đông Dương không thể nào chống lại được một cuộc đổ bộ của Nhật Bản vào*

Hải Phòng hoặc một cuộc ném bom vào Hà Nội [...] Yêu sách của Nhật Bản có tính chất một tối hậu thư, vì vậy tôi đành chấp nhận".⁽¹⁶⁾

Vài ngày sau, Catroux nhận được điện khiển trách từ Bộ Thuộc địa vì “*đã tự tiện chấp nhận*” những yêu cầu của Nhật và lưu ý rằng “*chỉ cho phép Nhật Bản đặt phái đoàn ở bên kia biên giới, trên lãnh thổ Trung Quốc*”. Dĩ nhiên, Nhật Bản từ chối đề nghị này. Ngày 23/6/1940, Catroux điện về Pháp yêu cầu hãy để cho ông được “*tự do phán đoán và hành động*” để giữ lấy Đông Dương.⁽¹⁷⁾ Tức giận vì thái độ phạm thượng của Catroux, ngày 26/6/1940, chính phủ Vichy quyết định cách chức Catroux và đưa Phó Đô đốc Jean Decoux lên thay.

Trong khi đó, ngày 25/6/1940, Phó Tham mưu trưởng Lục quân Nhật chỉ thị cho Thiếu tướng Nishihara tiếp xúc với nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương và đòi cho bằng được việc “*Nhật Bản đóng quân ở Đông Dương*”. Đến ngày 29/6/1940 - chỉ bảy ngày sau khi nước Pháp thất thủ, các trạm kiểm soát của Nhật đã được thiết lập tại Hải Phòng, Hà Giang, Lào Cai, Cao Bằng, Lạng Sơn và Fort Bayard.⁽¹⁸⁾ Ngay trong ngày hôm đó, người Nhật đã thu giữ ở Hải Phòng một số lượng vật liệu lên đến 10 vạn tấn và hơn 1.000 xe tải, trị giá từ 6 đến 8 triệu USD. Họ còn thu giữ 15 vạn tấn vật liệu quân sự và xe tải ở Hải Phòng, Hà Nội và các thị trấn biên giới.⁽¹⁹⁾ Ngày 30/6/1940, Nishihara bắt đầu thương thảo với Toàn quyền Catroux. Nội dung thương thảo gồm những điểm sau: Cấm tàu Mỹ hoặc những tàu mang quốc kỳ nước khác chở đến Hải Phòng những vũ khí và quân nhu của Mỹ để tiếp tế cho Tưởng. Không được đưa lên biên giới Việt-Hoa số vũ khí và quân nhu của Mỹ còn nằm tại cảng Hải Phòng. Cho phép quân đội Nhật tạm dừng chân trên lãnh thổ Việt Nam và mượn đường di chuyển sang một quốc gia khác. Nhật được phép chở vũ khí, quân nhu và lương thực tới cảng Hải Phòng để chuyển sang Trung Quốc. Cho phép Nhật Bản đặt cơ quan thông tin trên lãnh thổ Đông Dương.⁽²⁰⁾

Ngày 01/7/1940, Catroux đồng ý hợp tác kinh tế để đổi lấy việc Nhật Bản thừa nhận sự toàn vẹn lãnh thổ của Đông Dương thuộc Pháp. Vấn đề giám sát biên giới cũng được thông qua một cách thuận lợi. Pháp còn đồng ý thêm rằng từ 03/7/1940, sẽ trục xuất các giám sát Trung Quốc, phái các điều tra viên đến căn cứ thuê tại vịnh Quảng Châu để chuyển giao cho Nhật những kho vật tư mà trước đây chỉ dành riêng cho Trung Quốc và đến ngày 6/7 sẽ cho phép mở rộng cấp ngầm đến Hà Nội.⁽²¹⁾ Về những nhượng bộ này đối với Nhật, Catroux nói: “*Tôi không để cho quân đội Nhật vin được một cơ nào để can thiệp, tôi nhấn mạnh vào sự kính nể lẫn nhau trong việc kiểm soát giao thông, và từ chối không cho Nhật phạm đến quyền lợi của Pháp. Để cho người Nhật khỏi chú ý đến việc xâm chiếm đất đai, tôi đã đẩy họ vào địa hạt kinh tế*”.⁽²²⁾

Trong khi viên Toàn quyền Đông Dương nhượng bộ tất cả những yêu cầu của Nhật để giữ lại chủ quyền của Pháp tại Đông Dương thì ngày 7/7/1940, hai Tham mưu trưởng Lục quân và Hải quân Nhật khẳng định rằng Nishihara sẽ lợi dụng cuộc đàm phán về thể thức kiểm soát các đồn biên phòng để “*đưa vào thảo luận việc sử dụng các phương tiện quân sự và quyền đóng quân Nhật ở*

Đông Dương thuộc Pháp".⁽²³⁾ Ngay sau đó, Nishihara nhận được điện từ Hội đồng Tham mưu thông báo chấp nhận đề xuất liên minh phòng thủ và bổ sung thêm với tên gọi là phòng thủ chung, bao gồm "*bất kỳ hiệp định về sử dụng các cơ sở quân sự và quyền đồn trú của các đạo quân chúng ta tại Đông Dương thuộc Pháp*".⁽²⁴⁾ Về sự đảm bảo của Nhật đối với sự toàn vẹn lãnh thổ của Đông Dương, họ đã được chuẩn bị để nói rằng "*chúng ta sẽ tôn trọng nó*".⁽²⁵⁾ Ngay sau đó, phái bộ của Nishihara đưa thêm hai điểm: Nhật được phép gửi thương binh đến điều trị tại các bệnh viện ở Bắc Kỳ; Quân đội Nhật được phép sử dụng tuyến đường sắt của Pháp từ Hải Phòng lên Vân Nam và kèm theo lời đề nghị với Catroux về việc Pháp và Nhật có thể ký kết một bản Hiệp ước quân sự.⁽²⁶⁾

Từ lúc này, Catroux bắt đầu nghi ngờ và thận trọng hơn đối với Nhật. Kết quả là những cuộc thương lượng tiếp theo không còn tuân theo những yêu cầu của Nhật nữa. Đến ngày 09/7/1940, Catroux cho phép Nhật được chuyển chỗ viện trợ cho quân đội ở Trung Quốc thông qua Đông Dương và nhận binh lính thương vong của Nhật vào các bệnh viện ở Bắc Kỳ. Catroux còn cho các nhà chức trách của Nhật biết rằng ông sẽ sẵn lòng để cho Nhật chở vũ khí thông qua Đông Dương sang Quảng Tây và cho quân đội Nhật ở Quảng Tây đi qua Đông Dương để trở về nước nếu chính phủ Nhật cam kết tôn trọng chủ quyền của Pháp ở Đông Dương.⁽²⁷⁾ Nhưng Catroux cũng nói rằng, ông không cho các lực lượng của Nhật được phép đồn trú tại Đông Dương hoặc sử dụng các căn cứ quân sự vì sự nhượng bộ như vậy sẽ tạo điều kiện cho Nhật xâm chiếm Đông Dương thuộc Pháp và sẽ làm phương hại đến mối quan hệ với Mỹ và Anh.⁽²⁸⁾

Ngày 11/7/1940, Catroux báo cho phái bộ Nhật biết rằng những cuộc thương lượng tiếp theo sẽ được tiến hành với chính phủ Pháp vì ông ta không thể quyết định những vấn đề ngoài thẩm quyền của mình. Ông từ chối mở rộng lệnh cấm vận đối với kho dự trữ vonfram và antimon mà ông nói là đã bán cho Mỹ và ông cũng yêu cầu các tàu thuyền và máy bay của Nhật không được vào Đông Dương thuộc Pháp mà không được phép.⁽²⁹⁾

Đối với Nhật, để mở các cuộc tấn công vào các tỉnh miền nam Trung Quốc thì cần phải có đường đi cho các đạo quân qua Hải Phòng và những đảm bảo về cung cấp lương thực và vận chuyển. Do đó, một liên minh phòng thủ Pháp-Nhật sẽ là một lợi thế cho Nhật. Ngày 12/7/1940, Đại tá Sato, Phó Tham mưu trưởng đạo quân miền Nam Trung Quốc và Nishihara đã gặp Catroux với bản "*Phác thảo về Hiệp định Nhật-Đông Dương thuộc Pháp*".⁽³⁰⁾

Mặc dù bị Sato hối thúc mạnh mẽ, Catroux cứ khẳng định rằng ông không có quyền quyết định những vấn đề này. Để ngăn chặn trước một cuộc xâm chiếm Đông Dương của Nhật, Catroux đã chỉ ra những khó khăn có liên quan. Ông cung cấp những bức ảnh trên không để minh họa cho địa hình khó khăn kéo dài từ giữa biên giới Vân Nam và Đông Dương thuộc Pháp. Ngày 13/7/1940, Catroux chuẩn bị sẵn máy bay để Sato có thể quan sát tình hình dọc biên giới.⁽³¹⁾ Sau chuyến khảo sát này, Sato nhận ra rằng không thể xâm chiếm Vân Nam bằng dọc tuyến đường sắt Điền Việt. Tuy nhiên, các sĩ quan Nhật đều

nhận thấy rằng chiến dịch tấn công Côn Minh là cái cớ rất có ích để thực hiện “Nam tiến”. Do vậy, những nỗ lực của Catroux nhằm không cho quân đội Nhật vào Đông Dương bị thất bại.⁽³²⁾

Trong khi những cuộc thương lượng giữa Nishihara và Catroux đang được tiến hành tại Hà Nội thì tại Tokyo, Bộ Ngoại giao, Lục quân và Hải quân Nhật cũng thảo luận về liên minh kinh tế, quân sự và chính trị với Đông Dương. Sau khi nội các Yonai từ chức (17/7/1940), nội các thứ hai của Hoàng thân Konoe Fumimaro với Ngoại trưởng mới - Matsuoka Yosuke mới bắt đầu ủng hộ những ý tưởng này.⁽³³⁾ Những cuộc hội đàm sau đó giữa Nishihara và Catroux chủ yếu tập trung vào sự bảo đảm toàn vẹn lãnh thổ của Đông Dương mà Catroux hết sức lo lắng. Nhưng Matsuoka cũng không thua kém gì những sĩ quan thuộc phái hiếu chiến trong quân đội, ông không được chuẩn bị để đưa ra những lời hứa không cần thiết.

Ngày 24/7/1940, Catroux thông báo về sự từ chức của mình đến Nishihara và cũng không quên căn dặn Decoux - người kế nhiệm trước khi rời Đông Dương để theo phe kháng chiến của Charles de Gaulle rằng: *“Ngay từ đầu, tôi đã định đi quá sự đòi hỏi của Nhật với ý đồ làm dịu mối quan hệ với phái đoàn Nhật [...] Thế mà ngày lại ngày cứ trôi qua, những cam đoan chính trị mà tôi mong đợi từ họ vẫn không được công bố. Trái lại, phái đoàn Nhật ngày càng gia tăng hoạt động và tăng cường sự lấn dần. Theo tôi, nay đã đến lúc chúng ta phải tỏ ra thái độ cương quyết chống lại những lạm dụng quá đáng của Nhật”*.⁽³⁴⁾

Rõ ràng, người gặp khó khăn trong việc thực hiện kế hoạch này là Nishihara. Ông ta bị bối rối về ý định thực sự của quân đội liên quan đến đường đi của các lực lượng tại chiến trường. Ngày 25/7/1940, Nishihara báo cáo về Tokyo với thái độ phẫn nộ. Theo ông, nếu Nhật yêu cầu đường đi cho quân đội mà không đưa ra lời hứa về sự toàn vẹn lãnh thổ cho Đông Dương thì những cuộc đàm phán sẽ không thể mang lại kết quả như mong muốn. Và nếu cứ tiếp tục theo đuổi những yêu cầu quá đáng như vậy thì phải chuẩn bị các chiến dịch quân sự trong khi hồi hương tất cả công dân Nhật đang sống tại Đông Dương.

Sự nhượng bộ của Catroux trước Nhật Bản nên được đánh giá như thế nào? Sử gia Donald Landcaster viết: *“Sau khi đã kiểm kê những nguồn tài sản của mình và cố tìm cách đạt được sự giúp đỡ của Mỹ hoặc Anh nhưng không thành công, Catroux không còn sự lựa chọn nào khác là chấp nhận các đòi hỏi của Nhật”*.⁽³⁵⁾ Vấn đề là tại sao chỉ trong vòng vài ngày nhận chức, nội các Konoe chấp nhận chính sách xâm chiếm Đông Dương của Lục quân, thậm chí dùng phương sách vũ lực tại Đông Nam Á?

Cần lưu ý rằng, từ ngày 19 đến ngày 26/7/1940, nội các Konoe nhóm họp với sự hiện diện của Bộ trưởng Ngoại giao Matsuoka Yosuke, Bộ trưởng Chiến tranh - Trung tướng Hideki Tojo, Bộ trưởng Hải quân - Phó Đô đốc Zengo Yoshida. Tất cả các thành viên đều thống nhất: nhanh chóng kết thúc cuộc chiến Trung Quốc và giải quyết vấn đề “Nam tiến”. Ngày 26/7/1940, Hội đồng đã thông qua những vấn đề sau đây:

- Một mặt giữ thái độ cương quyết đối với Mỹ; mặt khác xét lại một cách triệt để vấn đề bang giao với Liên Xô và thực hiện cam kết chính trị với Đức và Ý.

- Dùng những phương pháp cứng rắn hơn để chống Pháp ở Đông Dương, Hồng Kông và các nhượng địa ở Trung Quốc, cố ý ngăn cản nguồn ngoại viện cho chính phủ họ Tưởng...

- Dùng lối ngoại giao cương quyết hơn đối với Đông Ấn thuộc Hà Lan để mua những nguyên liệu quan trọng.⁽³⁶⁾

Tất cả những điều này được thể hiện rõ hơn trong tháng 7 và tháng 8/1940, chế độ quan liêu của Nhật tham gia vào việc hình thành những ý định của mình liên quan đến Đông Nam Á. Một phần của quy trình này phát sinh từ những cuộc thương lượng liên quan đến Hiệp ước tay ba (Đức-Italia-Nhật Bản) phân chia lại thế giới mà bên ký kết phải có sẵn trong đầu và cũng như làm cách nào để đạt được. Vấn đề này đã được đưa ra trong dự thảo của Bộ trưởng Ngoại giao Masuoka vào ngày 30/7/1940. Dự thảo xác định khu vực chịu ảnh hưởng của Nhật gồm: Đông Dương thuộc Pháp, Thái Lan, Mã Lai, Borneo, Đông Ấn thuộc Hà Lan, Australia và New Zealand. Trong thông cáo báo chí ngày 01/8/1940, Matsuoka chính thức công bố mục đích chính của Nhật là tạo ra “*Khu thịnh vượng chung Đại Đông Á*” (Daitoa kyoeiken).⁽³⁷⁾ Rõ ràng, đây là vấn đề liên quan đến việc loại bỏ chính sách thuộc địa của Anh, Pháp và Hà Lan ra khỏi Đông Nam Á.

Ngày 6/8/1940, Ban Kế hoạch Nội các đưa ra một báo cáo cung cấp khá chi tiết về các thành phần kinh tế. Báo cáo tập trung sự chú ý của Nhật trên một khu vực chạy dài từ Miến Điện, Đông Ấn thuộc Hà Lan, Philippines, Đông Dương. Báo cáo trên nói rằng: “*Quân đội và các yêu cầu nguyên liệu thô của Nhật là trước tiên. Để bảo đảm rằng họ [các vùng trên] sẽ đáp ứng, phải có những bảo đảm cho xuất khẩu không hạn chế đến Nhật một số mặt hàng cụ thể; các quyền đặc biệt về giám sát ngoại thương, vận chuyển và truyền thông; những nhượng bộ về khai mỏ; công việc kinh doanh, nguồn lao động và các chuyên gia Nhật. Quản lý cần thiết để tăng cường các doanh nghiệp Nhật liên quan đến dầu, niken, thiếc, bô-xít, cao su, sắt, than*”.⁽³⁸⁾ W.G. Beasley giải thích thêm rằng “*những đặc quyền mà Nhật đã lập kế hoạch của họ tại Đông Nam Á [...] không để ý đến việc chia sẻ những thứ thu được cho bất kỳ ai*”.⁽³⁹⁾ Còn Đại sứ Mỹ tại Nhật - Grew thì cho rằng “*Nhật Bản cố tử quay về Trục*”.⁽⁴⁰⁾ Tất nhiên, sau khi ký Hiệp ước tay ba với Đức và Italia (tháng 9/1940), Nhật đã ở vào vị thế mạnh hơn để đòi hỏi Pháp.⁽⁴¹⁾

Trong khi đó ở Đông Dương, vị Toàn quyền mới Decoux bắt đầu thực hiện chính sách cứng rắn hơn so với người tiền nhiệm Catroux. Ông ta từ chối thảo luận với Đại tá Sato trong suốt thời gian Nishihara vắng mặt. Ngày 23/7/1940, Decoux điện về Pháp tố cáo hành động nhượng bộ “*quá lớn*” của Catroux đồng thời muốn tìm cách “*sửa chữa những sai lầm đó*” để ngăn người Nhật lại.⁽⁴²⁾

Ngày 28/7/1940, Decoux thông báo cho Đại tá Sato bằng văn bản rằng ông không có quyền cá nhân để ký kết một thỏa thuận.⁽⁴³⁾ Ngày 29/7/1940, Decoux đã thẳng thắn trả lời những quan điểm của mình: Cấm quân đội Nhật đi qua Đông Dương; Cấm chuyên chở đạn dược và chiến cụ qua Đông Dương sang cho quân Nhật ở Quảng Tây, chỉ được phép chở lương thực thực phẩm; Cấm không cho Nhật lập trạm vô tuyến điện trên lãnh thổ Đông Dương.⁽⁴⁴⁾

Thái độ cứng rắn của Decoux đã làm cho cuộc thương lượng giữa hai bên rơi vào tình thế lúng túng, kịch bản thương lượng được chuyển sang Tokyo, nơi mà Matsuoka và Arsene Henry đã bắt đầu hội đàm từ ngày 01/8/1940.

Ngay từ cuộc họp đầu tiên, Matsuoka nói rõ mục đích của Nhật là “*mong muốn chính phủ Đông Dương hợp tác với Nhật để thiết lập trật tự mới tại Đông Á nhằm giải quyết sự cố Trung Quốc. Chính phủ Đông Dương cho phép các đạo quân của Nhật được đi qua lãnh thổ này để phục vụ cho các chiến dịch nhằm chống lại Trung Quốc, sử dụng các căn cứ không quân tại Đông Dương và đồn trú các đơn vị bảo vệ cần thiết, cung cấp các cơ sở cần thiết cho việc vận chuyển các đội quân của Nhật và những nguồn tiếp tế quân sự*”.⁽⁴⁵⁾ Liên quan đến mâu thuẫn của Nhật và việc tiếp cận các nguồn nguyên liệu thì Matsuoka nói rằng họ đã được phép “*đối xử ngang bằng với Pháp, các quốc gia thuộc Pháp và sản phẩm của Pháp*”.⁽⁴⁶⁾ Như vậy, nếu yêu cầu đầu tiên là những cơ sở cho liên minh quân sự - chính trị thì yêu cầu thứ hai là cho liên minh kinh tế. Trên thực tế, những lời lẽ của Matsuoka ngày càng cứng rắn hơn, khi Arsene Henry cho rằng trong khi Nhật không tuyên bố chiến tranh tại Trung Quốc và về liên minh kinh tế thì liệu Nhật có đối xử bình đẳng với các quốc gia thuộc Pháp hay không? Matsuoka nói: “*Những yêu cầu hiện tại của chúng tôi dựa trên sự cần thiết hoàn toàn về mặt quân sự. Trong thế giới ngày nay khi mà có quá nhiều điều không thể giải thích đang xảy ra, sự đồng ý của ông đối với những yêu cầu của Nhật sẽ không cần thiết được giải thích như là tuyên bố chiến tranh chống lại Trung Quốc*”.⁽⁴⁷⁾ Ngày 15/8/1940, Matsuoka nhấn mạnh “*Pháp có quyền chấp nhận hay không chấp nhận các yêu cầu của Nhật nhưng những yêu cầu đó là xác thực*”.⁽⁴⁸⁾

Để tăng thêm sức ép, Matsuoka yêu cầu Đức ủng hộ bằng cách ép chính phủ Vichy chấp nhận những đòi hỏi của Nhật. Ngày 12/8/1940, Đại sứ Nhật ở Vichy - Sawada cho chính phủ Pháp biết rằng “*Nhật muốn Pháp chấp nhận một cách hoàn toàn và mau chóng các yêu cầu của Nhật*”.⁽⁴⁹⁾ Đến ngày 19/8/1940, Matsuoka không thể nhịn lâu hơn nữa, ông cho Arsene Henry biết rằng “*sự khẩn thiết về quân sự của Nhật là cấp bách đến nỗi ông không thể đợi đến khi Pháp chấp nhận rồi mới thi hành*”.⁽⁵⁰⁾ Trước tình thế vừa bị Nhật hăm dọa liên tục, vừa bị Đức gây áp lực và thất vọng về thái độ lãnh đạm của Mỹ, chính phủ Vichy chỉ thị cho Arsene Henry trả lời rằng họ chấp nhận những điều kiện của Nhật. Ngày 30/8/1940, Arsène Henry và Matsuoka ký kết Hiệp ước về việc bảo vệ chủ quyền Pháp ở Đông Dương với nội dung: Nhật cam kết tôn trọng chủ quyền của Pháp trên toàn cõi Đông Dương; Pháp chấp nhận cho quân đội Nhật tạm đóng ở Bắc Kỳ để sớm giải quyết vấn đề Trung Quốc.⁽⁵¹⁾

Trong khi Hiệp ước trên được ký kết tại Tokyo thì cũng trong ngày 30/8/1940, tại Đông Dương, Nishihara bắt đầu lại các cuộc thương lượng với Toàn quyền Decoux. Tổng hành dinh Hoàng gia Nhật quyết định gửi Tướng Tominaga Kyoji - một sĩ quan hiếu chiến phụ trách Phân bộ Tác chiến đến Hà Nội để cùng thương lượng với Nishihara.⁽⁵²⁾ Tominaga được Tham mưu trưởng Lục quân trao chỉ thị mật như sau: *“Tư lệnh đạo quân nam Trung Hoa phải hoàn tất càng nhanh càng tốt các hoạt động chuẩn bị cho một cuộc tấn công vào bắc Đông Dương”*.⁽⁵³⁾ Chiều cùng ngày, phái bộ Nhật trình cho Decoux bản dự thảo được ký kết tại Tokyo. Tuy nhiên, Decoux từ chối thương lượng dựa trên cơ sở rằng ông không hề nhận chỉ thị từ chính quyền Vichy.

Có hai lý do khiến Decoux mạnh miệng trong các cuộc thương lượng với phái đoàn Nhật: Thứ nhất, cho đến thời điểm này, cả Decoux và chính phủ Vichy vẫn mong muốn nhận được những viện trợ cần thiết từ Mỹ. Trong bức thông điệp gửi cho Đại sứ Mỹ ở Tokyo, Matsuoka than phiền: *“Viên Toàn quyền Đông Dương thiếu thiện chí và lãnh đạo Nhật thấy rằng ông ta muốn thông qua các lãnh sự ngoại quốc ở Đông Dương để áp dụng thủ chính trị cản trở”*.⁽⁵⁴⁾ Thứ hai, Decoux vẫn còn ảo tưởng về sức mạnh quân sự của Pháp ở Đông Dương. Sau khi thăm dò ý kiến tại cuộc họp Hội đồng tối cao của Pháp ở Đông Dương, Decoux nhận được sự đảm bảo của Tướng Martin rằng quân Pháp có thể *“đối phó được với ba sư đoàn Nhật tại Bắc Kỳ”*.⁽⁵⁵⁾

Cho rằng Decoux không có ý định thương lượng nghiêm túc, Tominaga quyết định thực hiện các chiến dịch quân sự và cảnh báo rằng ông sẽ di tản tất cả phụ nữ và trẻ em Nhật ra khỏi Hà Nội trong vòng 3 ngày. Vào lúc 8 giờ tối ngày 02/9/1940, nhóm sĩ quan Nhật gồm bảy người do Tominaga dẫn đầu đến Hà Nội để gặp Decoux với lời đe dọa *“chúng tôi sẽ gặp các ông trên chiến trường”* cùng với công hàm: *“Tổng tham mưu Lục quân và các lực lượng Hải quân đồn trú tại miền nam Trung Quốc đã quyết định đồn trú các lực lượng hải và lục quân tại Đông Dương thuộc Pháp sau ngày 05/9/1940”*.⁽⁵⁶⁾

Ngày 06/9/1940, một tiểu đoàn quân Nhật đóng tại Chinnakuan do Thiếu tá Morimoto Takuji chỉ huy đã vượt qua biên giới vào Đồng Đăng nhưng bị quân Pháp đẩy lùi. Hành động này là một cái cớ để Toàn quyền Decoux trì hoãn thương lượng. Sáng ngày 07/9/1940, Decoux nói với Nishihara và Tominaga rằng ông ta phải nhận chỉ thị mới từ Vichy trước khi tiếp tục đàm phán.⁽⁵⁷⁾

Giới cầm quyền tại Tokyo lúc này quyết định rằng không cần phải nỗ lực để bắt đầu lại các cuộc đàm phán cho đến khi đạt được mục đích cuối cùng. Ngày 17/9/1940, những cuộc đàm phán được mở trở lại tại Hà Nội. Dự thảo hiệp ước được trình cho các nhà đàm phán Pháp bao gồm các điểm: tăng khoảng từ 5.000-6.000 lên 25.000 quân; năm căn cứ không quân chứ không phải là ba; Hà Nội và Hải Phòng sẽ được gộp vào khu vực đồn trú.⁽⁵⁸⁾ Tominaga cũng không quên giải thích cho Nishihara rằng nếu các cuộc thương lượng không thể kết thúc trước ngày 18 thì *“đồn trú bằng vũ lực sẽ được thực hiện, bất chấp những tiến bộ trong các cuộc thương lượng”*

sau đó".⁽⁵⁹⁾ Dự thảo này có phần khác biệt so với Mệnh lệnh quân sự số 458 mà Tổng hành dinh Hoàng gia ban ra với mục tiêu là "*đồn trú quân tại Bắc Kỳ một cách hòa bình nhằm thiết lập những căn cứ cho các chiến dịch chống lại Trung Quốc và để cắt con đường tiếp tế*".⁽⁶⁰⁾ Mặt khác, nó cũng phớt lờ cả hai hiệp ước Pháp-Nhật đã được ký kết trước đó cũng như những quyết định của hội nghị bốn bộ trưởng (18/6/1940). Điều này cũng làm ngạc nhiên cả giới lãnh đạo Tokyo.

Tại cuộc họp bốn bộ trưởng cùng ngày, Matsuoka yêu cầu trì hoãn bất kỳ thời hạn cuối cùng nào trong việc đồn trú cho đến sau khi Hiệp ước tay ba với Đức và Italia được ký kết (ông hy vọng là trước ngày 21/9). Ông tin rằng hiệp ước này sẽ ngăn chặn Mỹ can thiệp vào Đông Dương. Hội nghị cũng quyết định rằng ngày đồn trú sẽ được thông báo cho Đại sứ Pháp là ngày 19 chứ không phải ngày 17. Một lần nữa, trong nội bộ lãnh đạo Nhật lại xuất hiện sự khác biệt trong cách thức thực hiện.

Trong lúc giới lãnh đạo Nhật có sự nhượng bộ về những thỏa thuận tại các cuộc đàm phán thì Decoux vẫn từ chối, dựa trên lý do là phải theo mệnh lệnh từ Vichy và những yêu cầu về số quân đồn trú tăng lên từ phái đoàn đàm phán của Nhật. Trưa ngày 20/9/1940, công dân Nhật đã được đưa lên tàu tại cảng Hải Phòng, chỉ còn lại Nishihara và một người khác. Các cuộc đàm phán vẫn tiếp tục bế tắc, Nishihara quyết định rằng công dân Nhật sẽ phải di tản như kế hoạch. Trước sáng ngày 22/9/1940, tất cả người Nhật đã được cho lên tàu để đến Hải Nam. Vào lúc 1 giờ chiều, Nishihara nhận được điện thoại thông báo rằng Tướng Martin đã ký vào đề nghị dự thảo của Nhật, Đại tá Jouan được gửi tới Hải Phòng lúc 2giờ30 chiều.

Trong khi các cuộc đàm phán vừa được hoàn tất với những điều khoản đã được hai bên chấp nhận thì đúng 23giờ ngày 22/9/1940, quân Nhật từ miền nam Trung Quốc tấn công vào các đồn binh Pháp ở Bắc Kỳ. Quá thất vọng trước sự lưỡng lự của Pháp về việc cho họ đi qua thuộc địa, các chỉ huy địa phương của Nhật đã nhanh chóng xua quân tràn vào hai đồn binh ở Lạng Sơn và Đồng Đăng đánh bại lực lượng hỗn hợp Pháp-Việt trong vài trận đánh ác liệt nhất mà quân Nhật tham gia tại Việt Nam.⁽⁶¹⁾ Sự thất thủ của Đồng Đăng và Lạng Sơn đã cho chính quyền Pháp ở cả thuộc địa lẫn mẫu quốc thấy rằng, bất chấp những tuyên bố mạnh mẽ, họ vẫn không thể chống lại sức mạnh của quân Nhật. Cộng tác và thỏa hiệp là lựa chọn thực tế duy nhất nếu Pháp muốn duy trì quyền kiểm soát Đông Dương.⁽⁶²⁾

Đối với Pháp, tác động kết hợp giữa thất bại tại Lạng Sơn, Đồng Đăng và việc ném bom vào Hải Phòng ngày 24/9/1940 đã nhấn chìm sự kháng cự của Pháp chống lại Nhật. Nhà sử học Bernard Fall cho rằng "*chủ quyền của Pháp ở Đông Dương rõ ràng chỉ còn là một trò hề*".⁽⁶³⁾ Đối với Nhật, mặc dù vẫn xảy ra tình trạng bất hòa giữa các quân chủng nhưng thắng lợi của Nhật ở Đông Dương là thắng lợi mang tính chiến lược, nó đánh dấu bước đầu tiên của Nhật trên con đường "Nam tiến".⁽⁶⁴⁾

3. Nhật tiến vào miền nam Đông Dương

Trong tài liệu “*Nghiên cứu chính sách về Đông Dương thuộc Pháp*” (Tai-futsuin hosaku ni kansuru kenkyu), được Bộ phận Tác chiến của Bộ Tổng tham mưu Hải quân Nhật lập ra vào ngày 01/8/1940, Hải quân yêu cầu “*tiếp quản toàn bộ Đông Dương*” nhưng cho rằng hành động như vậy sẽ dẫn đến việc Mỹ cấm vận toàn bộ các nguồn tài nguyên, đặc biệt là dầu.⁽⁶⁵⁾ Nhưng đổi lại, sự cấm vận đó là điều cần thiết để xâm chiếm Đông Ấn thuộc Hà Lan nhằm giành lấy các giếng dầu ở đây. Hải quân cũng cho rằng bước cuối cùng này sẽ dẫn đến chiến tranh với Mỹ.⁽⁶⁶⁾

Hải quân Nhật cho rằng Mỹ là kẻ thù không thể tránh khỏi mà sự tồn tại của Mỹ bào chữa cho sự mở rộng hạm đội và phân chia nguồn lực. Hải quân từ chối tham chiến hơn nữa vào Đông Nam Á, điều đó có thể chọc tức kẻ thù ngoại trừ “*những tình huống không thể tránh được*” - tình huống Mỹ, Anh, Hà Lan cấm vận toàn bộ các nguồn tài nguyên chiến lược.

Tất nhiên, vấn đề lớn ở đây là dầu. Nhật muốn có sự đảm bảo 3,75 triệu tấn trong vòng 5 năm nhưng Hà Lan tỏ thái độ cứng rắn sau khi tham khảo ý kiến của Anh và Mỹ, chỉ sẵn sàng cung cấp với mức 2 triệu tấn trong hợp đồng 6 tháng (ít hơn gần một nửa so với nhu cầu của Nhật).⁽⁶⁷⁾ Ép buộc chấp nhận mức cung cấp hiện tại, phái đoàn Nhật đưa ra yêu cầu khác về số lượng cố định hàng năm đối với bô-xít, cao su và mangan. Tuy nhiên, vẫn không có nhiều tiến triển khi đã gần hết năm 1940. Đầu 1941, phái đoàn Nhật do một người mới làm trưởng đoàn, đưa ra một loạt những yêu cầu mới, tập trung vào tái cơ cấu toàn bộ khung chính trị của mối quan hệ Nhật - Đông Ấn thuộc Hà Lan và để kết thúc tất cả những ràng buộc với Hà Lan, nhưng đến trước tháng 6/1941 thì phái đoàn này đã thất bại và được rút về.

Đối với những nhà lãnh đạo quân sự và chính trị Nhật thì dường như chỉ có lực lượng quân sự mới có thể đảm bảo con đường đi vào sự giàu có của Đông Ấn thuộc Hà Lan. Thậm chí trước khi những cuộc thương lượng tại Batavia thất bại thì vấn đề Nam tiến bằng vũ lực lại nổi lên. Lực lượng lúng túng bởi tính hợp lý trong quan điểm của Hải quân, đồng ý giới hạn “Nam tiến” vào việc chiếm đóng các căn cứ tại Thái Lan và nam Đông Dương, những chiến dịch mà có thể được dàn xếp thông qua ngoại giao.

Trong khi đó, tại Đông Dương, những cuộc thương lượng vào tháng 5/1941 đã mang lại cho Nhật những đặc quyền mà Nhật không có được tại Đông Ấn thuộc Hà Lan: nguồn cung cấp gạo được đảm bảo cùng với nguồn nguyên liệu thô (cao su, kẽm, vonfram, mangan, thiếc, crôm, và than); hàng hóa Nhật nhập vào Đông Dương một cách không hạn chế, đặc biệt là hàng dệt may; quy chế tối huệ quốc cho các công dân Nhật - những người được phép thành lập các doanh nghiệp, tiến hành các hoạt động khai mỏ và mở trường dạy học. Không dừng lại ở đó, “*Nhật thêm muốn Đông Dương như là căn cứ mà từ đó Nhật có thể vươn tới phần còn lại của Đông Nam Á*”.⁽⁶⁸⁾

Ngày 25/6/1941, Hội đồng Liên lạc nhóm họp nhằm thiết lập một chương trình “Nam tiến” với những nội dung cơ bản như: thiết lập những cơ quan liên lạc quân sự chung với Pháp; mở những cuộc thương lượng về mặt ngoại giao để có thể đạt được mục đích; nếu chính phủ Pháp hay chính quyền thuộc địa không chấp nhận thì sẽ cố đạt được bằng vũ lực.⁽⁶⁹⁾

Tiếp đó, vào ngày 2/7/1941, Hội đồng tối cao Hoàng gia họp dưới sự chủ tọa của Nhật hoàng đã chính thức phê chuẩn các điều khoản nêu trên và nhấn mạnh thêm rằng: Chính phủ Hoàng gia sẽ “*cương quyết theo đuổi chính sách Đại Đông Á*”, “*tiến xuống các nước miền Nam*” và cố thực hiện chương trình trên cho bằng được dù “*phải gặp bất cứ trở ngại nào kể cả việc gây chiến với Anh và Mỹ*”.⁽⁷⁰⁾ Hội nghị cũng quyết định mở rộng các chiến dịch quân sự vào lãnh thổ Đông Dương thuộc Pháp để “*củng cố những chuẩn bị cho Nam tiến*”.⁽⁷¹⁾ Quyết định này phản ánh sự sẵn sàng mới trong một bộ phận của chính phủ Konoe nhằm theo đuổi mục đích chiến tranh là “*tự tôn tự vệ*” của đế quốc Nhật Bản, nếu cần thiết thì sẽ chấp nhận sự thù địch ở mức độ cao.⁽⁷²⁾ Đây là bước đi quan trọng của con đường dẫn đến chiến tranh Thái Bình Dương.

Đầu tháng 7/1941, trong một cuộc tiếp xúc không chính thức, Trưởng phái bộ Nhật tại Đông Dương Sumita Raishiro (người thay Nishihara) cho Đại úy Jouan, Chánh văn phòng quân sự của Toàn quyền Decoux, biết rằng: “*Nhật có thể sẽ yêu cầu chính phủ Pétain dành cho quân đội Nhật một vài đặc ân như quân đội Nhật được phép di chuyển vào miền nam Đông Dương*”.⁽⁷³⁾ Ngày 14/7/1941, Đại sứ Nhật tại Pháp, Sotomatsu Kato chuyển cho Phó Thủ tướng Đô đốc Jean Darlan, các yêu cầu của Nhật như sau: Cho phép các lực lượng: thủy, lục, không quân được di chuyển xuống miền nam Đông Dương; Quyền được sử dụng tám sân bay, cảng Sài Gòn và vịnh Cam Ranh.⁽⁷⁴⁾

Lời yêu cầu trên được chuyển đến chính phủ Pétain dưới hình thức một tối hậu thư khi Kato được lệnh phải nói với chính phủ Pháp: “*Những điều kiện nêu trên được chính phủ Nhật quyết định với sự quyết tâm rằng Nhật sẽ thi hành cho bằng được bất chấp tất cả những trở ngại có thể đến từ Anh hay Mỹ, hay cho dù nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương chống lại*”.⁽⁷⁵⁾ Nhật đòi chính quyền Pháp phải trả lời trước ngày 20/7/1941.

Cuộc thương lượng giữa Pháp và Nhật được bắt đầu tại Pháp ngày 17/7/1941, bốn ngày sau (21/7) thì đạt được những thỏa thuận sơ bộ. Ngày 22/7/1941, trong cuộc hội đàm với Sumita, Decoux được thông báo rằng: sau những cuộc thương lượng ở Pháp, quân đội Nhật được phép đổ bộ lên Nam Kỳ. Khoảng 50.000 quân Nhật đã lên tàu ở Nhật để sang Sài Gòn, những chiến hạm này sẽ tới Vũng Tàu ngày 30/7/1941.⁽⁷⁶⁾

Ngày 29/7/1941, một thỏa thuận chung được ký kết tại Vichy mang tên “*Nghị định thư giữa Nhật và Pháp liên quan đến phòng thủ chung ở Đông Dương thuộc Pháp*” với nội dung chính là “*hai chính phủ hứa hợp tác quân sự để phòng thủ Đông Dương thuộc Pháp*”.⁽⁷⁷⁾

Ngày 26/7/1941, Bộ Ngoại giao Nhật giải thích cho hành động này: “*Đông Dương tạo thành đường nối quan trọng trong phạm vi của sự thịnh vượng chung trong Đại Đông Á mà Nhật đang nỗ lực thiết lập [...] Tuy nhiên, những điều kiện nội tại của Đông Dương gần đây đã bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi những thay đổi từ tình hình châu Âu và Đông Á, [...] Nhật sẽ tôn trọng sự toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền của Đông Dương*”.⁽⁷⁸⁾ Còn chính phủ Vichy thì giải thích: “*Tại Đông Dương, vào ngày 30/8/1940, chúng tôi phải thừa nhận sự vượt trội của Nhật tại Viễn Đông và phải cho họ đặt các cơ sở quân sự. Mỹ không hề có một chút phản ứng. Bây giờ, Nhật nói chúng tôi là kẻ thù, mọi sự tập trung đều đe dọa Đông Dương [...] Vì thế, chúng tôi đã chấp nhận sự phòng ngừa bằng quân sự của Nhật thông qua Hiệp ước Kato*”.⁽⁷⁹⁾

Đến đây, số phận của Việt Nam coi như rơi vào tay Nhật. Nhật đã tiến vào Nam Việt Nam để giành quyền kiểm soát các sân bay và hải cảng mà không gặp phải sự kháng cự. Từ những căn cứ quân sự này, những cuộc tấn công của quân Nhật xuống Đông Nam Á đã được chuẩn bị. Trong hồi ký của mình, Decoux cho rằng “*những nhượng bộ mới mà chính phủ vừa cho Bộ chỉ huy Nhật chắc chắn là rất nặng nề*”.⁽⁸⁰⁾ Và người Pháp đã không phải đợi lâu để thấy rõ những hậu quả của nó. Trong một bức thư đề ngày 8/10/1941, một viên chức của Decoux viết: “*Điều hiển nhiên rằng các hành động của Nhật là đang cố gắng chúng ta ra khỏi thuộc địa. Tình thế ngày càng gay go đến nỗi không còn có thể thương lượng gì được nữa hay có thương lượng cũng là vô hiệu*”.⁽⁸¹⁾ Còn trong hồi ký “*Loạt đạn bắn vào Đông Dương*”, Đại úy René Charbonneau cay đắng kể lại: “*Những điều kiện hòa bình mà họ ban cho chúng ta không phải là kết quả của một cuộc thương lượng, mà là hậu quả của một cuộc bại trận*”.⁽⁸²⁾

Bước đi cuối cùng này của Nhật đã thực sự dẫn đến phản ứng của phương Tây, điều mà hải quân Nhật trước đây đã từng lo sợ: cấm vận tất cả mậu dịch đối với Nhật và đóng băng toàn bộ tài sản của Nhật ở nước ngoài. Đáp lại sự cấm vận này, Nhật quyết định xâm chiếm toàn bộ Đông Nam Á. Giai đoạn cuối cùng đầy bạo lực của cuộc “*Nam tiến*” đã được chuẩn bị mà Việt Nam sẽ là căn cứ không quân, hải quân tiền tiêu của chiến lược đó.

Kết luận

Cho đến khi chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ, Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong chính sách “*Nam tiến*” của Nhật Bản. Mục tiêu ban đầu của Nhật là tìm kiếm vị thế tại thuộc địa gần biên giới ở phía nam Trung Quốc như là phương tiện để khóa chặt các nguồn viện trợ bên ngoài giúp chính phủ Tưởng Giới Thạch. Tuy nhiên, các hoạt động của Nhật tại Đông Dương thuộc Pháp phản ánh mong muốn của chính phủ trung ương hơn là những mong muốn của thuộc cấp. Do đó, mục tiêu Việt Nam trong chính sách của Nhật Bản cũng thay đổi qua từng giai đoạn. Nếu trong giai đoạn đầu, Việt Nam được xem như là căn cứ để bao vây Trung Quốc thì những cuộc thương lượng vào tháng 5/1941 đã mang đến cho Nhật những đặc quyền mà Nhật không có được tại Đông Ấn thuộc Hà Lan. Nhưng khi những yêu cầu đó đã được đảm bảo thì

Nhật không chỉ giới hạn ở đó. Nhật muốn biến Việt Nam thành căn cứ mà từ đó Nhật có thể vươn tới phần còn lại ở Đông Nam Á.

Hành động này đã tạo ra sự phản ứng ngay lập tức từ Mỹ và Hà Lan. Những trừng phạt về mặt kinh tế tỏ ra có giá trị đối với việc hoạch định chính sách của Nhật. Không có dầu và thép, Nhật không thể tiến hành chiến tranh, khi kho dự trữ đã cạn dần thì chiến tranh là cách duy nhất để bổ sung cho sự thiếu hụt đó. Ngày 7/12/1941, Nhật tấn công Trân Châu Cảng (Hawaii) với mục tiêu được đảm bảo rằng hải quân Mỹ không thể ngăn chặn được sự chiếm đóng của Nhật tại Đông Nam Á. Những chiến dịch tại Đông Nam Á cũng được triển khai và họ đã thành công mỹ mãn trong giai đoạn đầu.

P V C

CHÚ THÍCH

- (1) Shiraishi Masaya (2002), *Phan Boi Chau and Asian Activists in Japan*, The Historical Perspectives of Korea and Vietnam in the East Asia - The Second International conference of Vietnamology, Seoul, tr. 122-123.
- (2) Nguyễn Thế Anh (1974), *Việt Nam dưới thời Pháp đô hộ*, Trung tâm Sản xuất Học liệu - Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên xuất bản, Sài Gòn, tr. 225.
- (3) Mark R.Peattie (1996), *Nanshin: The Southward Advance, 1931-1941, as a Prelude to the Japanese Occupation of Southeast Asia* in Peter Duss - Ramon H. Myers - Mark R.Peattie, *The Japanese wartime Empire, 1931-1945*, tr. 189-242, Princeton University Press, Princeton, New Jersey, tr. 220.
- (4) James William Morley (1980), *The Fateful Choice: Japan's advance in to Southeast Asia, 1939-1941*, Columbia University Press, New York, tr. 157.
- (5) Jean Decoux (1964), *À la barre de l'Indochine: Histoire de mon gouvernement général 1940 -1945*, Plon, Paris. Bản tiếng Việt của Khoa Lịch sử, Đại học Tổng hợp Hà Nội, tr.86-87.
- (6) James William Morley (1980), *Sdd*, tr. 158.
- (7) Như trên, tr. 158.
- (8) Jean Decoux (1964), *Sdd*, tr. 88.
- (9) Phan Khoang (1971), *Việt Nam Pháp thuộc sử*, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, Sài Gòn, tr. 479; James William Morley (1980), *Sdd*, tr. 158.
- (10) Jacques Valette (1993), *Indochine 1940-1945: Français contre Japonais*, Sedes, Paris V^e, tr. 22.
- (11) James William Morley (1980), *Sdd*, tr. 159.
- (12) Nhiều tác giả (2004), *Nhật Bản trong chiến tranh Thái Bình Dương*, Nxb CAND, Hà Nội, tr. 47.
- (13) James William Morley (1980), *Sdd*, tr. 159.
- (14) Như trên, tr. 159.
- (15) Nguyễn Phương (1957), *Sự quan trọng của Đông Dương trước mặt quốc tế*, Sài Gòn, tr. 13.
- (16) Nhiều tác giả (2004), *Sdd*, tr. 45.
- (17) Ngô Văn Quĩ (2001), *Đêm dài Nhật-Pháp bắn nhau*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh, tr. 15; Nguyễn Phương, 1957, *Sdd*, tr. 19.
- (18) Một địa danh nằm trên bờ biển phía nam Quảng Đông, Trung Quốc.
- (19) Jacques Valette (1993), *Sdd*, tr. 23.
- (20) Lý Bình Hiệp (1968), *Việt Nam dưới thời quân đội Nhật chiếm đóng, 8/9/1968*.
- (21) James William Morley (1980), *Sdd*, tr. 163.
- (22) Nguyễn Phương (1957), *Sdd*, tr.22.
- (23) Jacques Valette (1993), *Sdd*, tr. 24.
- (24) James William Morley (1980), *Sdd*, tr. 163.

- (25) Như trên, tr. 163.
- (26) Jean Decoux (1964), Sdd, tr. 95; Nguyễn Phương (1957), Sdd, tr. 23.
- (27) Jean Decoux (1964), Sdd, tr. 95.
- (28) James William Morley (1980), Sdd, tr. 163.
- (29) Như trên, tr. 164.
- (30) Như trên, tr. 164.
- (31) Như trên, tr. 165.
- (32) Như trên, tr. 164.
- (33) James William Morley (1980), Sdd, tr. 165; W.G. Beasley (1999), *Japanese imperialism 1894-1945*, Clarendon Press, Oxford, tr. 226.
- (34) Jean Decoux (1964), Sdd, tr. 100-101; Nguyễn Phương (1957), Sdd, tr. 24-25.
- (35) Bernard Fall (1967), *U.S. Policies in Indochina 1940-1960*, in Last Reflections On a War, Doubleday & Company, New York, tr. 120.
- (36) Nguyễn Phương (1957), Sdd, tr. 37.
- (37) Greater East Asia Co-prosperity Sphere.
- (38) W.G. Beasley (1999), Sdd, tr. 228.
- (39) Mark R. Peattie (1996), Sdd, tr. 239; W.G. Beasley (1999), Sdd, tr. 228.
- (40) Nguyễn Phương (1957), Sdd, tr. 37.
- (41) Dixee R. Bartholomew-Feis (2007), *OSS và Hồ Chí Minh: Đồng minh bất ngờ trong cuộc chiến chống phát xít Nhật*, Lương Lê Giang dịch, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr. 49.
- (42) Nguyễn Phương (1957), Sdd, tr. 27.
- (43) James William Morley (1980), Sdd, tr. 167.
- (44) Đỗ Đình Hằng - Trần Văn La (1996), *Quan hệ Nhật - Pháp ở Đông Dương trong chiến tranh Thái Bình Dương*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 37.
- (45) James William Morley (1980), Sdd, tr. 172.
- (46) Như trên, tr. 172.
- (47) Như trên, tr. 172-173.
- (48) Như trên, tr. 172.
- (49) Nguyễn Phương (1957), Sdd, tr. 42.
- (50) Như trên, tr. 43.
- (51) Lý Bình Hiệp (1968), *Việt Nam dưới thời quân đội Nhật chiếm đóng, 13/9/1968*; Nguyễn Phương (1957), Sdd, tr. 43.
- (52) James William Morley (1980), Sdd, tr. 176.
- (53) Jacques Valette (1993), Sdd, tr. 27.
- (54) André Gaudel (1947), *L'Indochine Française en face du japon*, J.Susse, Paris, tr. 79.
- (55) Jean Decoux (1964), Sdd, tr. 144.
- (56) James William Morley (1980), tr. 177.
- (57) Như trên Sdd, tr. 183.
- (58) Jacques Valette (1993), Sdd, tr. 27-28; James William Morley (1980), Sdd, tr. 189.
- (59) James William Morley (1980), Sdd, tr. 189.
- (60) Như trên, tr. 185.
- (61) Tønnesson Stein (1991), *The Vietnam Revolution of 1945: Roosevelt, Ho Chi Minh and de Gaulle in a world at war*, International Peace Research Institute, Oslo, tr. 37.
- (62) Dixee R. Bartholomew-Feis (2007), Sdd, tr. 49.
- (63) Bernard Fall (1967), Sdd, tr. 122.
- (64) James William Morley (1980), Sdd, tr. 208.
- (65) Mark R. Peattie (1996), Sdd, tr. 222.

- (66) Như trên, tr. 222.
- (67) Như trên, tr. 222.
- (68) W.G. Beasley (1999), Sđd, tr. 231.
- (69) Nguyễn Phương (1957), Sđd, tr. 93; James William Morley (1980), Sđd, tr. 235.
- (70) Nguyễn Phương (1957), Sđd, tr. 94.
- (71) James William Morley (1980), Sđd, tr. 236.
- (72) Văn Tạo - Furuta Motoo (1995), *Nạn đói năm 1945 ở Việt Nam: những chứng tích lịch sử*, Viện Sử học Việt Nam xuất bản, Hà Nội, tr. 30.
- (73) Lý Bình Hiệp (1968), *Việt Nam dưới thời quân đội Nhật chiếm đóng, 01/10/1968*; Jean Decoux (1964), Sđd, tr. 216-217; James William Morley (1980), Sđd, tr. 236.
- (74) James William Morley (1980), Sđd, tr. 236.
- (75) Nguyễn Phương (1957), Sđd, tr. 96-97.
- (76) Lý Bình Hiệp (1968), *Việt Nam dưới thời quân đội Nhật chiếm đóng, 01/10/1968*; Jean Decoux (1964), Sđd, tr. 218.
- (77) Jacques Valette (1993), Sđd, tr. 127-128; Leland M. Good Rich - Shepard Jones - Denys P. Myers (1942), *Documents on American foreign Relations*, Vol IV, July 1941- June 1942, World Peace, Boston, tr. 494.
- (78) Leland M. Good Rich - Shepard Jones - Denys P. Myers (1942), Sđd, tr. 494-495.
- (79) Như trên, tr. 495-496.
- (80) Jean Decoux (1964), Sđd, tr. 219.
- (81) Nguyễn Phương (1957), Sđd, tr. 100.
- (82) Ngô Văn Quĩ (2001), Sđd, tr. 23.

TÓM TẮT

Cho đến khi chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ, Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong chính sách “Nam tiến” của Nhật Bản. Mục tiêu ban đầu của Nhật là tìm kiếm vị thế tại thuộc địa gần biên giới ở phía nam Trung Quốc như là phương tiện để khóa chặt các nguồn viện trợ bên ngoài giúp chính phủ Tưởng Giới Thạch. Tuy nhiên, các hoạt động của Nhật tại Đông Dương thuộc Pháp phản ánh mong muốn của chính phủ trung ương hơn là những mong muốn của thuộc cấp. Do đó, mục tiêu Việt Nam trong chính sách của Nhật Bản cũng thay đổi qua từng giai đoạn. Nếu trong giai đoạn đầu, Việt Nam được xem như là căn cứ để bao vây Trung Quốc thì những cuộc thương lượng vào tháng 5/1941 đã mang đến cho Nhật những đặc quyền mà Nhật không có được tại Đông Ấn thuộc Hà Lan. Nhưng khi những yêu cầu đó đã được đảm bảo thì Nhật không chỉ giới hạn ở đó. Nhật muốn biến Việt Nam thành căn cứ mà từ đó Nhật có thể vươn tới phần còn lại ở Đông Nam Á. Sự bất lực của thực dân Pháp đã tạo điều kiện cho đế quốc Nhật triển khai các chiến dịch ở Đông Nam Á và họ đã thành công trong giai đoạn đầu.

ABSTRACT

THE ROLE OF VIETNAM IN JAPAN'S SOUTHWARD POLICY FROM 1939 TO LATE 1941

When the Pacific War broke out, Vietnam played an important role in Japan's Southward Policy. The initial goal of Japan was to look for a position in the colony near the southern border of China to block the external aid for Chiang Kai-shek's government. However, Japan's activities in French Indochina only reflected the desire of Japanese government, not the one of its subordinates. Therefore, Japanese policy toward Vietnam had changed through each stage. In the first stage, Vietnam was considered a base to encircle China, and the negotiations in May 1941 gave Japan the privileges that it did not obtain in the Dutch East Indies. But when those demands were satisfied, Japan extended its ambition by turning Vietnam into a base from which Japan could reach the rest of Southeast Asia. The powerlessness of the French colonialists enabled Japan to deploy campaigns in Southeast Asia, and they were successful in the first phase.